

BÁO CÁO

Kết quả xác định Chỉ số Cải cách hành chính năm 2014 của các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh Quảng Bình

Thực hiện Quyết định số 3229/QĐ-UBND ngày 26/12/2013 của UBND tỉnh về việc phê duyệt đề án “Xác định Chỉ số Cải cách hành chính cấp sở, ban, ngành, cấp huyện và cấp xã trên địa bàn tỉnh Quảng Bình” (sau đây gọi tắt là Quyết định số 3229/QĐ-UBND), UBND tỉnh đã giao Sở Nội vụ tiếp tục chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan, hướng dẫn triển khai thực hiện xác định Chỉ số Cải cách hành chính (Chỉ số CCHC) nhằm đánh giá một cách thực chất, khách quan, công bằng kết quả triển khai thực hiện công tác CCHC năm 2014 của sở, ban, ngành cấp tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh.

Sau khi triển khai thực hiện, Sở Nội vụ báo cáo tình hình và kết quả xác định Chỉ số CCHC năm 2014 với các nội dung sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH

Sở Nội vụ đã ban hành các văn bản tham mưu, triển khai, hướng dẫn thực hiện sau:

- Công văn số 291/SNV-CCHC và Công văn số 292/SNV-CCHC ngày 25/3/2014 về việc hướng dẫn tự đánh giá, chấm điểm để xác định Chỉ số CCHC sở, ban, ngành cấp tỉnh và UBND cấp huyện;

- Kế hoạch số 200/KH-SNV ngày 02/3/2015 về việc điều tra xã hội học phục vụ xác định Chỉ số CCHC năm 2014 của các sở, ban, ngành cấp tỉnh, các huyện, thành phố và các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Quảng Bình;

- Tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh Quyết định số 584/QĐ-UBND ngày 11/3/2015 về việc thành lập Hội đồng thẩm định Chỉ số CCHC gồm 10 thành viên là đại diện lãnh đạo và công chức các Sở: Nội vụ, Tư pháp, Tài chính, Khoa học và Công nghệ, Thông tin và Truyền thông;

- Ngày 11/3/2015, tổ chức Hội nghị triển khai và chuyển giao phiếu điều tra xã hội học để thực hiện tại các cơ quan, đơn vị, địa phương.

II. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI XÁC ĐỊNH CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2014

1. Đối tượng và phương pháp xác định Chỉ số CCHC

a. Đối tượng

- Ở cấp tỉnh: Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh (20 sở, ban, ngành);

- Ở cấp huyện: Các huyện, thành phố, thị xã trên địa bàn tỉnh (08 đơn vị).

b. Phương pháp xác định Chỉ số CCHC

Theo quy định tại Quyết định số 3229/QĐ-UBND, Chỉ số CCHC được xây dựng riêng cho cấp sở và cấp huyện. Như vậy, các sở, ban, ngành được đánh giá, so sánh với nhau và các huyện, thành phố, thị xã trên địa bàn tỉnh được đánh giá, so sánh với nhau. Chỉ số CCHC cấp sở được xác định trên 08 lĩnh vực, 34 tiêu chí và 84 tiêu chí thành phần; Chỉ số CCHC cấp huyện được xác định trên 08 lĩnh vực, 34 tiêu chí và 90 tiêu chí thành phần. Việc đánh giá, chấm điểm các tiêu chí, tiêu chí thành phần để xác định Chỉ số CCHC được thực hiện theo phương pháp sau:

- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện tự đánh giá và cho điểm kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính theo các lĩnh vực tương ứng với tiêu chí, tiêu chí thành phần được quy định trong Chỉ số CCHC của từng cấp tại các Phụ lục I, II đính kèm Quyết định 3229/QĐ-UBND.

- Sở Nội vụ chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện thực hiện điều tra xã hội học trên cơ sở các bộ câu hỏi, phiếu điều tra để đánh giá theo các lĩnh vực, tiêu chí, tiêu chí thành phần (được thể hiện tại Phụ lục I, II đính kèm Quyết định 3229/QĐ-UBND).

- Sau khi có kết quả tự đánh giá của các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện; trên cơ sở theo dõi, kiểm tra và tài liệu kiểm chứng, Hội đồng thẩm định tổ chức thẩm định điểm tự đánh giá để xác định Chỉ số CCHC của các sở, ban, ngành; các huyện, thành phố, thị xã.

Đối với những tiêu chí, tiêu chí thành phần không tương đồng giữa các sở, ban, ngành thì Hội đồng thống nhất chấm 50% điểm cho sở, ban, ngành không có các tiêu chí tương đồng đó.

- Điểm số đánh giá Chỉ số CCHC của các cơ quan, đơn vị, địa phương là kết quả tổng điểm thẩm định của Hội đồng với điểm điều tra xã hội học. Từ điểm số đánh giá này so với tổng điểm tối đa trong bộ chỉ số để tính tỷ lệ đạt được về Chỉ số CCHC của từng đơn vị cụ thể.

2. Tình hình triển khai thực hiện xác định Chỉ số CCHC năm 2014

a. Công tác tự đánh giá, chấm điểm

Sau quá trình tích cực triển khai, đến ngày 15/02/2015 tất cả các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố đã gửi báo cáo tự đánh giá chấm điểm của đơn vị kèm theo tài liệu kiểm chứng về Sở Nội vụ. Phần lớn các báo cáo tự đánh giá, chấm điểm và tài liệu kiểm chứng tương đối đầy đủ và hợp lệ. Tuy nhiên, vẫn còn một số đơn vị, địa phương báo cáo tự chấm điểm chưa đầy đủ, nhiều nội dung chấm còn thiếu, không rõ, không đúng thang điểm, không đúng tiêu chí; nhiều đơn vị, địa phương tài liệu kiểm chứng chưa đầy đủ, phải yêu cầu bổ sung (như: Sở Ngoại vụ, Thanh tra tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh, Sở Lao động-Thương binh và Xã hội, UBND huyện Quảng Trạch,...), khiến việc thẩm định, đánh giá gặp nhiều khó khăn, thời gian thẩm định kéo dài.

Trên cơ sở báo cáo tự đánh giá, chấm điểm và tài liệu kiểm chứng kèm theo của các đơn vị, địa phương, Sở Nội vụ đã tổng hợp trình Hội đồng thẩm định để tổ chức rà soát lại kết quả tự đánh giá, chấm điểm của các đơn vị, địa phương.

Quá trình làm việc của Hội đồng thẩm định (2 ngày, từ 16/4/2015 - 17/4/2015) được diễn ra nghiêm túc, khách quan, đúng quy định. Theo đó, các kết quả tự đánh giá của các đơn vị, địa phương được rà soát kỹ lưỡng để đảm bảo kết quả đánh giá từng tiêu chí, tiêu chí thành phần được chính xác, khách quan, công bằng giữa các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố.

(Đính kèm Phụ lục 3, 4 - Điểm thẩm định theo các lĩnh vực, tiêu chí, tiêu chí thành phần đối với các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố)

b. Tổ chức điều tra xã hội học

Sở Nội vụ đã triển khai công tác điều tra xã hội học đối với các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố, thị xã với tổng số mẫu điều tra là 2.276 phiếu (tăng 319 phiếu so với năm 2013).

Từ ngày 10/3/2015 đến 18/3/2015, các cơ quan, đơn vị, địa phương đã tiến hành điều tra, thu thập phiếu điều tra và gửi về Sở Nội vụ để tổng hợp, xử lý số liệu, kết quả thu về tổng số 2.276 phiếu, đạt 100% so với tổng số phiếu đã phát ra, cụ thể:

- Lấy phiếu đánh giá cho cấp sở, ban, ngành: 1.356 phiếu (tăng 90 phiếu so với năm 2013), trong đó:

+ Lãnh đạo các sở, ban, ngành đánh giá: 60 phiếu (3 phiếu × 20 sở, ban, ngành);

+ Lãnh đạo các phòng thuộc sở, ban, ngành đánh giá: 280 phiếu (14 phiếu × 20 sở, ban, ngành);

+ Lãnh đạo UBND cấp huyện đánh giá: 24 phiếu (03 phiếu × 8 huyện, thành phố, thị xã);

+ Lãnh đạo, công chức các phòng chuyên môn thuộc UBND cấp huyện đánh giá cho sở, ban, ngành quản lý cấp trên: 592 phiếu (04 phiếu × 8 huyện × 18 sở, ngành; Ban Dân tộc điều tra 4 huyện có phòng Dân tộc × 4 phiếu/huyện; Ban QL Khu kinh tế không điều tra đối tượng này);

+ Doanh nghiệp, tổ chức có liên quan đánh giá: 230 phiếu;

+ Người dân có liên quan giao dịch: 170 phiếu.

- Lấy phiếu đánh giá cho cấp huyện: 920 phiếu (tăng 220 phiếu so với năm 2013), trong đó:

+ Đại biểu HĐND, lãnh đạo UBND cấp huyện đánh giá: 160 phiếu (Đại diện Hội đồng nhân dân cấp huyện 20 phiếu × 8 huyện, thành phố, thị xã; Lãnh đạo UBND 4 phiếu × 8 huyện, thành phố, thị xã);

+ Lãnh đạo các phòng, đơn vị trực thuộc cấp huyện đánh giá: 168 phiếu (21 phiếu × 8 huyện, thành phố, thị xã);

+ Lãnh đạo UBND cấp xã đánh giá cho UBND huyện: 160 phiếu (20 phiếu × 8 huyện, thành phố, thị xã);

+ Doanh nghiệp hoặc cơ sở sản xuất liên quan đánh giá: 120 phiếu (15 phiếu × 8 huyện, thành phố, thị xã);

+ Người dân đánh giá: 280 phiếu (35 phiếu × 8 huyện, thành phố, thị xã).

Trên cơ sở tổng hợp kết quả phiếu điều tra xã hội học và xử lý số liệu, đã xác định được điểm của 24 tiêu chí, tiêu chí thành phần đánh giá qua điều tra xã hội học của 20 sở, ban, ngành và 25 tiêu chí, tiêu chí thành phần đánh giá qua điều tra xã hội học của 8 huyện, thành phố, thị xã theo quy định.

(Đính kèm Phụ lục 5, 6 - Điểm điều tra xã hội học đối với các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố)

III. KẾT QUẢ XÁC ĐỊNH CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2014

1. Kết quả chung

Qua xác định Chỉ số CCHC năm 2014 của các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện đã cho thấy tình hình công tác CCHC nói chung của từng sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố, thị xã; giá trị Chỉ số CCHC trung bình

chung của 20 cơ quan chuyên môn cấp tỉnh đạt được là 77,41% (tăng 7,14% so với năm 2013), của 8 đơn vị cấp huyện là 72,01% (giảm 1,38% so với năm 2013). Qua đây cho thấy kết quả xếp hạng (dựa trên cơ sở phân loại của Bộ Nội vụ) Chỉ số CCHC của các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, và UBND cấp huyện, cụ thể:

- Có 10 sở, ngành (tăng 8 đơn vị so với năm 2013) và 02 đơn vị cấp huyện (tăng 01 đơn vị so với năm 2013) đạt Chỉ số CCHC trên 80%, thuộc nhóm Tốt (Các đơn vị: Tư pháp, Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Ban quản lý các Khu Kinh tế, Thông tin và Truyền thông, Nội vụ, Giáo dục và Đào tạo, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và PTNT, UBND thành phố Đồng Hới, UBND huyện Quảng Ninh); trong đó có Sở Tư pháp chỉ số CCHC năm 2014 đạt trên 90%.

- Có 02 sở, ngành (giảm 03 đơn vị so với năm 2013) đạt Chỉ số CCHC từ 75% đến 80%, thuộc nhóm Khá (Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Văn hóa-Thể thao và Du lịch); Không có đơn vị cấp huyện đạt nhóm Khá (năm 2013 có 1 đơn vị).

- Có 04 sở, ngành (giảm 01 đơn vị so với năm 2013) và 03 đơn vị cấp huyện (giảm 01 đơn vị so với năm 2013) đạt Chỉ số CCHC từ 70% đến dưới 75%, thuộc nhóm Trung bình (Các đơn vị: Tài nguyên và Môi trường, Y tế, Văn phòng UBND tỉnh, Công Thương; UBND huyện Tuyên Hóa, UBND huyện Bố Trạch, UBND huyện Lệ Thủy);

- Có 04 sở, ngành (giảm 04 đơn vị so với năm 2013) và 03 đơn vị cấp huyện (tăng 02 đơn vị so với năm 2013) đạt Chỉ số CCHC dưới 70%, thuộc nhóm Thấp (Các đơn vị: Ngoại vụ, Thanh tra tỉnh, Ban Dân tộc, Sở Lao động-Thương binh và Xã hội; UBND huyện Minh Hóa, UBND thị xã Ba Đồn, UBND huyện Quảng Trạch).

Trong 8 lĩnh vực được đánh giá theo Chỉ số CCHC năm 2014 cho thấy những kết quả đạt được tương đối khách quan, thực chất so với quá trình triển khai thực hiện CCHC theo chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2011-2020 của các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện. Từ Chỉ số CCHC năm 2014 cho thấy đa số các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện đạt Chỉ số CCHC cao là những sở, ban, ngành năng động, coi trọng công tác chỉ đạo, điều hành CCHC, nghiêm túc xây dựng kế hoạch, có sự kiểm tra, thống kê báo cáo đầy đủ các nội dung theo yêu cầu; tổ chức thực hiện nghiêm túc công tác cải cách thủ tục hành chính (TTHC), cải cách tổ chức bộ máy hành chính, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, đổi mới cơ chế tài chính, hiện đại hóa hành chính,...

(Đính kèm Phụ lục 1, 2 - Bảng xếp thứ tự Chỉ số CCHC các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện)

2. Các Chỉ số thành phần theo lĩnh vực

a. Công tác chỉ đạo, điều hành CCHC

Thông qua Chỉ số công tác chỉ đạo điều hành CCHC năm 2014 cho thấy, thực tiễn triển khai thực hiện công tác CCHC nói chung và chỉ đạo điều hành CCHC nói riêng phải có sự quyết tâm, chủ động của lãnh đạo, cán bộ, công chức, viên chức tại cơ quan, đơn vị, địa phương đó. Điều này được thể hiện qua việc các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện có kế hoạch CCHC, kế hoạch kiểm tra, kế hoạch tuyên truyền công tác CCHC... được ban hành sớm, với các mục tiêu được xác định rõ ràng; báo cáo CCHC đúng hạn, chất lượng tốt; có sáng kiến trong công tác CCHC; bố trí đầy đủ nguồn lực (nhân lực, tài chính,...) cho công tác CCHC; bố trí hòm thư góp ý tại cơ quan, đơn vị, bố trí sử dụng đường dây nóng để tiếp nhận phản ánh của các tổ chức, cá nhân đúng quy chế,...đều có chỉ số CCHC đạt kết quả cao, tiêu biểu như: Ban Quản lý Khu Kinh tế (21,78/23 điểm, đạt 94,7%), Sở Khoa học và Công nghệ (21,48/23 điểm, đạt 93,39%), UBND huyện Bố Trạch (20,49/23 điểm, đạt 89,09%), UBND thành phố Đồng Hới (20,36/23 điểm, đạt 88,52%) ... So với năm 2013, tỷ lệ các sở, ban, ngành có chỉ số công tác chỉ đạo điều hành thấp dưới mức trung bình đã giảm 25%; 85,7% số huyện, thành phố, thị xã có chỉ số tăng so với năm ngoái. Trong đó, một số đơn vị, địa phương có chỉ số tăng vượt bậc như: Sở Công Thương (tăng 10,59 điểm), Sở Khoa học và Công nghệ (tăng 10,02 điểm), Sở Giáo dục và Đào tạo (tăng 8,49 điểm), Sở Ngoại vụ (tăng 7,09 điểm), UBND huyện Bố Trạch (tăng 5,36 điểm), UBND huyện Lệ Thủy (tăng 4,61 điểm), UBND huyện Tuyên Hóa (tăng 4,5 điểm)...

Tuy nhiên, vẫn còn nhiều sở, ban, ngành, địa phương chưa coi trọng và ít quan tâm tới công tác chỉ đạo, điều hành CCHC, chưa chú trọng việc ban hành hoặc ban hành chậm kế hoạch CCHC (Văn phòng UBND tỉnh; Sở Công Thương; Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Giao thông vận tải; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Ban Dân tộc; UBND huyện Tuyên Hóa, UBND huyện Quảng Trạch); nhiều đơn vị, địa phương không có hoặc có một số báo cáo CCHC nhưng chậm theo quy định (Sở Ngoại vụ, Sở Lao động-Thương binh và Xã hội, Sở Y tế, UBND huyện Lệ Thủy, UBND huyện Minh Hóa); một số đơn vị chưa bố trí được kinh phí triển khai thực hiện CCHC (Sở Lao động-Thương binh và Xã hội, Sở Ngoại vụ); mức độ thực hiện kế hoạch CCHC tại một số đơn vị, địa phương có còn thấp (Sở Y tế, UBND huyện Quảng Trạch); công tác kiểm tra và tuyên truyền cải cách hành chính chưa được quan tâm đúng mức (UBND huyện Quảng Trạch); phần nhiều các sở,

ngành, UBND cấp huyện chưa gắn kết quả thực hiện CCHC với công tác thi đua, khen thưởng; qua điều tra xã hội học, một số đơn vị, địa phương có chất lượng chỉ đạo, điều hành CCHC giảm so với năm 2013 (Sở Giao thông vận tải; Sở Lao động-Thương binh và Xã hội; UBND huyện Tuyên Hóa,...). Những nguyên nhân trên dẫn tới kết quả vẫn còn một số sở, ngành có chỉ số chỉ đạo điều hành thấp, xấp xỉ mức trung bình như: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (10,6/23 điểm, đạt 46,09%), Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh (13,67/23 điểm, đạt 59,43%), UBND huyện Quảng Trạch (11,5/23 điểm, đạt 50%)...

b. Xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật

Các tiêu chí thành phần về xây dựng, tham mưu xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố đã được triển khai thực hiện khá toàn diện, thể hiện ở các tiêu chí thành phần: mức độ xây dựng và thực hiện chương trình, kế hoạch ban hành văn bản quy phạm pháp luật hàng năm đã được phê duyệt; thực hiện đúng quy trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; mức độ phù hợp, tính khả thi, tính hiệu quả của văn bản quy phạm pháp luật; chủ động xây dựng kế hoạch rà soát, tự kiểm tra, xử lý hoặc kiến nghị xử lý sau rà soát, tự kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật; công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật được thường xuyên và kịp thời... Nhìn chung Chỉ số tự đánh giá, Chỉ số điều tra xã hội học đối với lĩnh vực này của các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố đều đạt Chỉ số tương đối cao; tuy số sở, ngành có chỉ số trên 90% giảm 30% so với năm 2013, chỉ còn 04 sở, ngành gồm: Sở Tư pháp (đạt 98,76%), Sở Nội vụ (đạt 93,9%), Sở Xây dựng (đạt 91,33%), Ban Quản lý Khu kinh tế (đạt 91,9%), nhưng xét về mặt bằng chung, chỉ số của các sở, ngành đều được cải thiện. So với năm 2013, không có sở, ngành nào có chỉ số dưới trung bình.

Tuy nhiên, vẫn còn một số sở, ngành, UBND cấp huyện có công tác tham mưu xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật còn hạn chế; mức độ thực hiện Kế hoạch xây dựng văn bản quy phạm pháp luật chưa cao; tỷ lệ số sở, ban, ngành, UBND cấp huyện chưa ban hành kế hoạch rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật còn cao (cụ thể: cấp sở chiếm 55%, cấp huyện chiếm 37,5%; một số đơn vị chưa ban hành Kế hoạch rà soát văn bản QPPL: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Công Thương, Sở Giao thông vận tải; các huyện: Bố Trạch, Quảng Trạch, Minh Hóa...); 60% cơ quan, đơn vị chưa ban hành kế hoạch tự kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật, kế hoạch tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật thuộc phạm vi sở, ngành (Văn phòng UBND tỉnh, Sở Công Thương; Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Ngoại vụ, Thanh tra tỉnh)... Do đó, Chỉ số xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản quy

phạm pháp luật ở một số sở, ban, ngành tuy đã được cải thiện nhưng vẫn tương đối thấp như: Sở Công Thương (có chỉ số thấp nhất, chỉ đạt 55,33%); Sở Tài chính (chỉ đạt 67,43%),...

Đối với cấp huyện, Chỉ số xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật so với năm 2013 đều giảm, số huyện có chỉ số đạt trên 80% chỉ còn 37,5%. Trong đó, giảm mạnh nhất là 03 huyện: Bồ Trách (giảm 4,27 điểm, tương đương 32,84%), Quảng Trạch (giảm 2,9 điểm, tương đương 22,3%), Minh Hóa (giảm 3,41 điểm, tương đương 26,23%); huyện Lệ Thủy tiếp tục xếp thứ nhất, nhưng chỉ đạt 89,23%, giảm 7,92%. Nguyên nhân sụt giảm chủ yếu tập trung vào các tiêu chí thành phần về đánh giá việc ban hành Kế hoạch và mức độ thực hiện Kế hoạch liên quan đến công tác xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật tại UBND cấp huyện hàng năm.

c. Cải cách thủ tục hành chính

Thủ tục hành chính được coi là giải pháp đột phá trong mối quan hệ giải quyết công việc giữa cơ quan nhà nước đối với tổ chức, cá nhân, góp phần nâng cao hình ảnh của cơ quan hành chính nhà nước và đẩy mạnh CCHC nói chung. Chỉ số cải cách TTHC được đánh giá trên các nội dung: Việc ban hành kế hoạch, mức độ thực hiện kế hoạch hoạt động kiểm soát TTHC; thực hiện quy trình đánh giá tác động đối với các quy định về TTHC; cập nhật kịp thời các quy định mới ban hành, bổ sung, sửa đổi về TTHC; kiểm soát và tổ chức thực thi các TTHC đã được UBND tỉnh công bố; Công khai TTHC tại cơ quan, đơn vị, địa phương.

Kết quả cho thấy, Chỉ số cải cách TTHC trung bình của các sở, ban, ngành năm 2014 là 78,65% (tăng 1,96% so với năm 2013). Kết quả cụ thể có 19/20 sở, ngành đạt Chỉ số trên mức trung bình, trong đó có Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đạt điểm tối đa (11,5/11,5 điểm); 02 sở, ngành đạt Chỉ số trên 90%: Sở Tư pháp (11/11,5 điểm, đạt 95,65%); Sở Nội vụ (10,5/11,5 điểm, đạt 91,30%). Tuy nhiên, một số cơ quan, đơn vị vẫn có Chỉ số cải cách TTHC thấp như: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (5,4/11,5 điểm, đạt 46,96%).

Đối với cấp huyện, chỉ số cải cách TTHC trung bình là 56,94% (giảm 13,53%), có 5/8 đơn vị cấp huyện đạt Chỉ số trên mức trung bình. So với năm 2013, có 6 huyện, thành phố có chỉ số giảm: huyện Quảng Trạch (giảm 3 điểm, tương đương 33,33%), huyện Tuyên Hóa (giảm 2,3 điểm, tương đương 25,56%), thành phố Đồng Hới (giảm 1,5 điểm, tương đương 16,67%)... huyện Minh Hóa tuy chỉ số tăng nhưng vẫn ở dưới mức trung bình (đạt 42,22%, tăng 15,55%).

Nguyên nhân chỉ số của một số sở, ngành còn thấp và chỉ số tại cấp huyện giảm có thể kể đến như: Nhiều sở, ngành, địa phương chưa ban hành kế hoạch hoạt động kiểm soát TTHC (Sở Lao động - Thương binh và xã hội, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Ngoại vụ; huyện Quảng Ninh, thị xã Ba Đồn, huyện Quảng Trạch, huyện Minh Hóa), nhiều cơ quan ban hành chậm thời gian so với quy định; chưa tổ chức rà soát, đánh giá các quy định về TTHC trong các văn bản quy phạm pháp luật đã ban hành để kịp thời phát hiện, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ các quy định còn bất cập, rườm rà; chưa kịp thời niêm yết công khai địa chỉ tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân đối với các quy định về TTHC...

d. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

Chỉ số cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước năm 2014 cho thấy hầu hết các sở, ban, ngành đã tổ chức thực hiện tốt nội dung cải cách tổ chức bộ máy, góp phần đạt được chỉ số cao tại các tiêu chí về tuân thủ các quy định của Chính phủ về tổ chức bộ máy; thực hiện chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị; thanh tra, kiểm tra tình hình tổ chức và hoạt động của các cơ quan, đơn vị trực thuộc; thực hiện phân cấp quản lý theo quy định; thực hiện thanh tra, kiểm tra, xử lý các vấn đề về phân cấp quản lý. Kết quả cụ thể, có 12/20 sở, ngành; 01/8 huyện, thành phố, thị xã đạt Chỉ số cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước trên 90%.

Tỷ lệ cơ quan có Chỉ số cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước thấp dưới mức trung bình so với năm 2013 đã giảm 80%, chỉ còn: Sở Giao thông vận tải (4,75/10 điểm, đạt 47,5%). Sở dĩ còn có đơn vị đạt Chỉ số này thấp là do chưa xây dựng được các kế hoạch thanh tra, kiểm tra tổ chức hoạt động các cơ quan chuyên môn trực thuộc hoặc mức độ thực hiện thanh tra, kiểm tra thấp; chưa thực hiện về phân cấp quản lý; chưa tuân thủ các quy định về tổ chức bộ máy,...

d. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức

Qua kết quả thẩm định và điều tra xã hội học cho thấy, 100% sở, ban, ngành và 85,7% huyện, thành phố, thị xã có chỉ số xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức tăng so với năm 2013, đều đạt ở mức trên 70% (đối với cấp sở) và trên 60% (đối với cấp huyện). Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện đạt chỉ số cao gồm: Sở Y tế (15,65/16 điểm, đạt 97,81%), Sở Giáo dục và Đào tạo (15,62/16 điểm, đạt 97,63%), UBND huyện Quảng Ninh (16,2/18 điểm, đạt 90%), UBND thành phố Đồng Hới (16,09/18 điểm, đạt 89,39%). Nhìn chung mức độ thực hiện cơ cấu công chức, viên chức; thực hiện bố trí công chức, viên chức đã được tuyển dụng theo đúng quy định;

công tác đào tạo, bồi dưỡng; đánh giá cán bộ, công chức, viên chức đã được các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố quan tâm chỉ đạo thực hiện nghiêm túc. Chất lượng cán bộ, công chức viên chức, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, tinh thần trách nhiệm đối với công việc, thái độ phục vụ của cán bộ công chức qua điều tra khảo sát được nhân dân, các tổ chức có liên quan và doanh nghiệp đánh giá khá tốt.

Tuy nhiên, Chỉ số này cũng cho thấy, còn nhiều cơ quan, đơn vị chưa hoàn thành xây dựng được vị trí việc làm đối với các cơ quan hành chính; 18/20 cơ quan, đơn vị, 100% địa phương chưa thực hiện thi tuyển cạnh tranh để bổ nhiệm vào các chức vụ lãnh đạo, quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của đơn vị; nhiều cơ quan, đơn vị và UBND cấp huyện chưa ban hành hoặc ban hành chậm kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hàng năm, tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức được đào tạo, bồi dưỡng hàng năm chưa đạt yêu cầu theo quy định. Nhiều cơ quan, đơn vị, địa phương chưa xây dựng kế hoạch để thu hút người tài về công tác (Nội vụ, Tư pháp, Giao thông vận tải, Tài nguyên và Môi trường, Lao động-Thương binh và Xã hội, Văn hóa-Thể thao và Du lịch, Thanh tra, Ngoại vụ, Ban Dân tộc, Lê Thủy, Ba Đồn, Bồ Trạch, Tuyên Hóa, Minh Hóa,...). Tình trạng lợi dụng chức vụ, quyền hạn để trục lợi cá nhân qua điều tra khảo sát cũng được nhân dân và các doanh nghiệp đánh giá là có nhưng ở một số cơ quan, đơn vị, địa phương.

e. Đổi mới cơ chế tài chính

Chỉ số đổi mới cơ chế tài chính được đánh giá trên các tiêu chí về thực hiện cơ chế khoán biên chế và kinh phí hành chính tại các cơ quan hành chính, đánh giá thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị sự nghiệp công lập; điều tra khảo sát tác động của việc thực hiện cơ chế tài chính đối với các cơ quan, đơn vị, địa phương. Qua kết quả cho thấy, 100% cơ quan hành chính đã thực hiện cơ chế khoán biên chế và kinh phí hành chính sự nghiệp, việc đổi mới cơ chế tài chính năm 2014 tại tỉnh thực hiện khá tốt; tuy nhiên, so với năm 2013, tỷ lệ đơn vị, địa phương có chỉ số giảm khá cao. Bình quân chung các sở, ngành năm 2014 đạt 87% (tăng 2,13% so với năm 2013) nhưng có tới 45% số sở, ban, ngành có sự sụt giảm về chỉ số này; chỉ số bình quân cấp huyện đạt 89,84% (tăng 4,97%) nhưng có 25% UBND cấp huyện có chỉ số giảm. Chỉ số sụt giảm này không cao, chủ yếu sụt giảm điếm ở các tiêu chí qua điều tra khảo sát.

Những chỉ số trên cho thấy sự nỗ lực của nhiều đơn vị, địa phương trong đổi mới cơ chế tài chính, thông qua việc thực hiện tốt cơ chế khoán biên chế và kinh phí hành chính tại đơn vị và cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị sự nghiệp trực thuộc, điển hình như: Sở Tư pháp (3,98/4 điếm, đạt

99,5%), Ban Quản lý Khu kinh tế (3,9/4, đạt 97,5%), UBND huyện: Quảng Ninh, Bố Trạch (đều đạt 3,73/4 điểm, tương ứng 93,25%). Tuy nhiên, chỉ số cũng cho thấy một số đơn vị, địa phương còn khó khăn trong việc thực hiện đổi mới cơ chế tài chính, kết quả thực hiện cơ chế khoán biên chế và kinh phí hành chính, cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm chưa cao như: Sở Văn hóa-Thể thao và Du lịch, Sở Ngoại vụ, Thanh tra tỉnh, Ban Dân tộc...

f. Hiện đại hóa hành chính

Chỉ số hiện đại hóa hành chính được đánh giá tại 3 tiêu chí đó là: Ứng dụng công nghệ thông tin; chất lượng cung cấp thông tin trên Trang thông tin điện tử và áp dụng ISO trong hoạt động của các cơ quan, đơn vị, địa phương. Kết quả có 11 sở, ngành (tăng 03 sở so với năm 2013) và 03 huyện, thành phố, thị xã (tăng 01 huyện so với năm 2013) đạt Chỉ số hiện đại hóa hành chính trên 80%. Phân tích sâu ở các tiêu chí thành phần, có 95% sở, ngành và 100% UBND cấp huyện đã tổ chức thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý nhà nước đúng quy định, 100% cơ quan, đơn vị có sử dụng mạng nội bộ để trao đổi công việc, văn bản điện tử; 100% cơ quan, đơn vị, địa phương đã triển khai thực hiện và ứng dụng phần mềm quản lý văn bản, trong đó có 14/20 sở, ngành thực hiện tốt; 06/20 sở, ngành, 8/8 UBND cấp huyện thực hiện khá, không có đơn vị trung bình và yếu. Trang thông tin điện tử của các sở, ngành, địa phương được xây dựng và cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời về các lĩnh vực quản lý nhà nước thuộc cơ quan, đơn vị. Các cơ quan, đơn vị, địa phương đã triển khai áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO được tiếp tục duy trì, cải tiến theo đúng quy định.

Tuy nhiên, qua Chỉ số hiện đại hóa hành chính cho thấy mức độ cung cấp dịch vụ công trực tuyến của tỉnh đang chủ yếu ở mức độ 1, 2; mức độ sử dụng thư điện tử của tỉnh trong trao đổi công việc còn thấp; Trang thông tin điện tử của một số cơ quan, đơn vị, địa phương chậm cập nhật thông tin, mức độ thuận tiện trong truy cập, khai thác còn hạn chế; còn 4/20 sở, ngành, 3/8 đơn vị cấp huyện chưa triển khai áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO hoặc còn một số sở, ngành chưa thường xuyên duy trì, cải tiến hệ thống ISO (Sở Nội vụ, Công Thương, Giáo dục và Đào tạo, Sở Lao động-Thương binh và Xã hội, UBND huyện Quảng Trạch).

g. Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông

Chỉ số thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông được đánh giá trên các tiêu chí về xây dựng duy trì Bộ phận một cửa, một cửa liên thông; về số lượng TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông; điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị tại Bộ phận một cửa, một cửa liên thông; chất

lượng phục vụ tại Bộ phận một cửa, một cửa liên thông của các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện, cấp xã.

Qua Chỉ số thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông cho thấy hiện có 11/20 sở, ngành đang duy trì Bộ phận một cửa; 7/8 huyện, thành phố, thị xã đã xây dựng, đưa vào sử dụng Bộ phận một cửa liên thông hiện đại (riêng UBND huyện Quảng Trạch do mới chia tách nên chưa xây dựng). Cơ sở vật chất tại Bộ phận một cửa liên thông hiện đại cấp huyện được trang bị đầy đủ, đúng quy định. Qua điều tra khảo sát về chất lượng phục vụ tại Bộ phận một cửa, một cửa liên thông cho thấy thái độ phục vụ của công chức, thời gian giải quyết TTHC, chất lượng giải quyết TTHC được người dân, doanh nghiệp đánh giá tương đối tốt.

Tuy nhiên, bên cạnh đó cho thấy còn một số tồn tại nổi lên như: Nhiều đơn vị cấp sở không thực hiện Bộ phận một cửa, một cửa liên thông; 100% đơn vị cấp sở chưa áp dụng cơ chế một cửa liên thông trong giải quyết công việc tại bộ phận một cửa; số lượng TTHC giải quyết qua Bộ phận một cửa, một cửa liên thông còn thấp, chưa đạt yêu cầu; điều kiện về sơ sở, vật chất tại Bộ phận một cửa ở một số sở, ngành chưa đúng theo quy định, nhiều đơn vị chưa bố trí diện tích ngồi chờ, nơi đón tiếp tổ chức, cá nhân đến giao dịch. Qua điều tra khảo sát cho thấy vẫn còn nhiều cơ quan, đơn vị, địa phương giải quyết TTHC tại Bộ phận một cửa, một cửa liên thông chưa đảm bảo quy định về thời gian, chất lượng chưa cao, hồ sơ giải quyết chậm,...

(Đính kèm Phụ lục 7, 8 - Tổng hợp điểm theo các lĩnh vực, tiêu chí, tiêu chí thành phần đối với các sở, ban, ngành cấp tỉnh)

III. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ VÀ ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Nhận xét, đánh giá

a. Ưu điểm

- Việc triển khai kế hoạch xác định Chỉ số CCHC về cơ bản theo đúng kế hoạch, đảm bảo chất lượng và tiến độ thời gian. Trong quá trình triển khai, Sở Nội vụ đã nhận được sự quan tâm, chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh, sự phối hợp chặt chẽ của các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố, được đông đảo người dân, doanh nghiệp và các tổ chức có liên quan nhiệt tình phối hợp, trả lời phiếu điều tra, khảo sát.

- Việc tổ chức công tác tự đánh giá, chấm điểm được các cơ quan, đơn vị, địa phương tiến hành nghiêm túc, khách quan, tương đối chính xác, việc chấm các tiêu chí dựa trên các căn cứ, tài liệu kiểm chứng đảm bảo độ tin cậy cao. Công tác thẩm định được tổ chức khẩn trương, nghiêm túc, phát huy được sự tham gia của các sở, ban, ngành trong việc đề xuất ý kiến, tham mưu để Sở Nội

vụ có cơ sở trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định điểm đánh giá đối với các tiêu chí, tiêu chí thành phần của Chỉ số CCHC các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, thị xã một cách khách quan, công bằng.

- Chỉ số CCHC phản ánh tương đối khách quan, trung thực kết quả triển khai cải cách hành chính thực tế của các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố năm 2014 và là nguồn thông tin quan trọng giúp các cơ quan, đơn vị, địa phương nhận biết được những mặt mạnh, mặt yếu của mình trong triển khai thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính năm 2014, từ đó tác động tích cực đến công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính của người đứng đầu cơ quan hành chính trong các năm tiếp theo.

b. Tồn tại, hạn chế

- Một số cơ quan, đơn vị, địa phương còn thiếu kinh nghiệm, lúng túng trong xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện. Cơ sở dữ liệu về các lĩnh vực cải cách hành chính còn thiếu nên khó khăn cho việc đánh giá các tiêu chí, tiêu chí thành phần. Việc phối hợp giữa các cơ quan tham mưu cải cách hành chính và các cơ quan liên quan chưa chặt chẽ, thường xuyên nên ảnh hưởng đến công tác tổng hợp, thu thập số liệu để tự chấm điểm cho các tiêu chí, tiêu chí thành phần của Chỉ số CCHC.

- Nguồn lực triển khai xác định Chỉ số CCHC còn thiếu. Nhất là công tác điều tra xã hội học các nhóm đối tượng phải tiến hành với quy mô mẫu lớn, thời gian triển khai ngắn, trong khi sự phối hợp của một số cơ quan còn lúng túng, ảnh hưởng đến việc triển khai tiến độ thời gian điều tra xã hội học.

- Một số sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, thị xã chưa quan tâm chỉ đạo chặt chẽ, thường xuyên, quyết liệt nên kết quả triển khai chậm so với quy định, báo cáo tự đánh giá, chấm điểm sơ sài, không theo hướng dẫn của và thiếu các tài liệu kiểm chứng, do đó phải yêu cầu bổ sung tài liệu và hoàn thiện lại báo cáo nên ảnh hưởng đến tiến độ thời gian.

2. Đề xuất, kiến nghị

Để đảm bảo triển khai xác định Chỉ số CCHC năm 2015 và các năm tiếp theo được tốt hơn, Sở Nội vụ đề xuất, kiến nghị một số vấn đề sau :

- Đề nghị các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, thị xã căn cứ vào Chỉ số CCHC năm 2014 để có giải pháp cần thiết trong xây dựng, tổ chức thực hiện kế hoạch cải cách hành chính năm 2015, nâng cao chất lượng, hiệu quả triển khai cải cách hành chính của mình. Quan tâm chỉ đạo và chuẩn bị các điều kiện cần thiết để tổ chức triển khai tốt kế hoạch xác định Chỉ số CCHC năm 2015 và các năm tiếp theo.

- Đề nghị UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh, Sở Tài chính quan tâm bố trí đầy đủ kinh phí để Sở Nội vụ, các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, thị xã có đủ điều kiện và thuận lợi hơn trong triển khai kế hoạch xác định Chỉ số CCHC năm 2015 và các năm tiếp theo.

Trên cơ sở rút kinh nghiệm trong triển khai xác định Chỉ số CCHC 2 năm vừa qua, Sở Nội vụ sẽ phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương, các chuyên gia cải cách hành chính tiếp tục nghiên cứu đề nghị UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số tiêu chí, tiêu chí thành phần của Chỉ số CCHC cấp sở, cấp huyện để đánh giá kết quả triển khai cải cách hành chính tại các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, thị xã thực chất, hiệu quả hơn. Đồng thời, Sở Nội vụ cũng xem xét, rút kinh nghiệm công tác tổ chức điều tra xã hội học được tốt hơn để kết quả thu được phản ánh thực chất, khách quan ý kiến của người dân, tổ chức, cán bộ, công chức đánh giá về kết quả cải cách hành chính cấp sở, cấp huyện.

Với những kết quả đã đạt được nêu trên, Sở Nội vụ kính báo cáo và đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh quyết định công bố Chỉ số CCHC năm 2014 của các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Quảng Bình./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/c);
- GD, PGD sở;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- UBND cấp huyện;
- Thành viên Hội đồng thẩm định;
- Lưu: VT, CCHC.

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

(Đã ký)

Hoàng Văn Cường